

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 196/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 7 - 2024

“V/v: không công nhận vợ chồng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Lin;

Ông La Văn Việt;

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Thanh Tú - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 791/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 về *“không công nhận vợ chồng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Thanh Th, sinh năm 1982.

Địa chỉ: số 957/9, Trần Hưng Đạo, Khóm 1, Phường 10, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Mỹ Nh, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: số 957/9, Trần Hưng Đạo, Khóm 1, Phường 10, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ tạm trú: khu Công nghiệp Hải Sơn, ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2024 nguyên đơn ông Trần Thanh Th trình bày và yêu cầu:

Ông Trần Thanh Th và bà Đặng Thị Mỹ Nh chung sống với nhau từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông và bà Nh sống chung đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc

sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông và bà Nh đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Về hôn nhân: Ông yêu cầu ly hôn với bà Đặng Thị Mỹ Nh

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Quốc T, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2002 và Trần Cẩm T, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2015 hiện đang sống chung với bà Nh. Khi ly hôn ông đồng ý giao con chung là Trần Thị Cẩm T cho bà Nh trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Th không cấp dưỡng. Con chung Trần Quốc Toàn đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 6 năm 2024 bị đơn bà Đặng Thị Mỹ Nh trình bày và yêu cầu: bà Nh thống nhất phần trình bày của ông Th là vào năm 2001 bà chung sống với ông Th nhưng không đăng ký kết hôn, khi ly hôn bà Nh đồng ý trực tiếp nuôi con chung tên Cẩm T, bà Nh không yêu cầu ông Th cấp dưỡng, con chung Trần Quốc T đã thành niên, không yêu cầu án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: bà Nh thống nhất trình bày của ông Th không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về hôn nhân: bà Nh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Trần Văn Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Trần Văn Th khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Đặng Thị Mỹ Nh hiện đang cư trú tại: khu Công nghiệp Hải Sơn, ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn bà Đặng Thị Mỹ Nh được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án và bà Nh, ông Th có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, ông, bà nên Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của ông Thuần theo quy định tại khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về hôn nhân xét ông Trần Văn Th và bà Đặng Thị Mỹ Nh chung sống như vợ chồng từ năm 2001 nhưng đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa ông Th và bà Nh vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật hôn nhân và gia đình công nhận là vợ chồng.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Th, bà Nh thống nhất có 02 con chung tên Trần Quốc T, sinh ngày 24 tháng 3 năm 2002 và Trần Cẩm T,

sinh ngày 09 tháng 11 năm 2015. Ông, bà thống nhất để con chung tên Trần Cẩm T cho bà Nh nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng. Xét con chung tên T đã thành niên không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: ông Trần Thanh Th, bà Đặng Thị Mỹ Nh cùng thống nhất trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: Ông Trần Văn Th là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. ông Thuần đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 9, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Th đối với bà Đặng Thị Mỹ Nh.

Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn Th đối với bà Đặng Thị Mỹ Nh không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Về con chung: bà Đặng Thị Mỹ Nh được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trần Cẩm T, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2015 hiện đang sống với bà Nh. Ông Th không cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên T đã thành niên không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: ông Th, bà Nh cùng thống nhất trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên Tòa án không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0004910 ngày 20/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa). Ông Thuấn đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- CC. THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- UBND Phường 10, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Nguyễn Thị Vụ